ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

BỘ NGOẠI GIAO

Số: 40/2020/TB-LPQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2020

THÔNG BÁO
Về việc điều ước quốc tế có hiệu lực

Thực hiện quy định tại Điều 56 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016, Bộ Ngoại giao trân trọng thông báo:

Hiệp định giữa Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hợp chúng quốc Hoa Kỳ về hỗ trợ lẫn nhau trong lĩnh vực hải quan, ký tại Hà Nội ngày 06 tháng 12 năm 2019, có hiệu lực từ ngày 20 tháng 5 năm 2020.

Bộ Ngoại giao trân trọng gửi bản sao Hiệp định theo quy định tại Điều 59 của Luật nêu trên./.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG
VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Ngự

HIỆP ĐỊNH

GIỮA

CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ HỢP CHÚNG QUỐC HOA KỲ

VỀ

HỖ TRỢ LẪN NHAU TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN

Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, sau đây gọi là "các Bên";

Nhận thấy rằng các vi phạm pháp luật hải quan sẽ gây phương hại đến các lợi ích kinh tế, tài chính và thương mại và xã hội của mỗi nước;

Nhận thấy tầm quan trọng của việc đảm bảo việc tính chính xác thuế hải quan và các loại thuế khác;

Nhận thấy sự cần thiết hợp tác quốc tế trong các vấn đề liên quan đến việc quản lý và thực thi luật hải quan của mỗi nước;

Lưu ý các công ước quốc tế trong đó có các quy định cấm, hạn chế và các biện pháp kiểm soát đặc biệt đối với những loại hàng hoá cụ thể;

Tin tưởng rằng các biện pháp kiểm soát đối với các vi phạm hải quan có thể được thực hiện hiệu quả hơn qua việc hợp tác giữa các cơ quan Hải quan của hai Bên; và

Lưu ý Khuyến nghị của Hội đồng Hợp tác Hải quan về Hỗ trợ hành chính lẫn nhau ngày 5 tháng 12 năm 1953;

Đã nhất trí như sau:

ĐIỀU 1
CÁC ĐỊNH NGHĨA

Theo mục đích của Hiệp định này:

1. Thuật ngữ "Cơ quan Hải quan", ở Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, là Tổng cục Hải quan thuộc Bộ Tài chính và ở Hợp chúng quốc Hoa Kỳ là Cơ quan Hải quan và Bảo vệ Biên giới Hoa Kỳ và Cơ quan Nhập cư và Kiểm soát Hải quan, cả hai đều là các cơ quan thuộc Bộ An ninh Nội địa Hoa Kỳ;

2. Thuật ngữ "pháp luật hải quan" là luật và các quy định mà Cơ quan Hải quan thực thi đối với việc nhập khẩu, xuất khẩu và quá cảnh hoặc lưu thông hàng hoá trong phạm vi liên quan tới các loại thuế, phí hải quan, và các thuế khác hoặc liên quan tới các biện pháp cấm, hạn chế và các biện pháp kiểm soát tương tự đối với việc vận chuyển qua biên giới quốc gia các hàng hoá thuộc diện kiểm soát;

3. Thuật ngữ "thông tin" là dữ liệu dưới mọi hình thức, tài liệu, hồ sơ, báo cáo và các trao đổi khác dưới mọi hình thức bao gồm các bản điện tử, bản sao được chứng thực, hoặc xác thực của các dữ liệu đó;

4. Thuật ngữ "vi phạm hải quan" là mọi vi phạm hoặc có ý định vi phạm pháp luật về hải quan;

5. Thuật ngữ "người" là mọi thể nhân hoặc pháp nhân;

6. Thuật ngữ "Cơ quan yêu cầu" hoặc "Bên yêu cầu" là Cơ quan Hải quan hoặc Bên yêu cầu hỗ trợ;

7. Thuật ngữ "Cơ quan được yêu cầu" hoặc "Bên được yêu cầu" là Cơ quan Hải quan hoặc Bên được yêu cầu hỗ trợ;

8. Thuật ngữ "Cơ quan cung cấp" hoặc "Bên cung cấp" là Cơ quan Hải quan hoặc Bên cung cấp thông tin; và

9. Thuật ngữ "Cơ quan nhận" hoặc "Bên nhận" là Cơ quan Hải quan hoặc Bên nhận thông tin.

ĐIỀU 2
PHẠM VI HIỆP ĐỊNH

1. Các Bên, thông qua các Cơ quan Hải quan của mình, phải hỗ trợ lẫn nhau, phù hợp với các quy định của Hiệp định này trong hoạt động ngăn chặn, phát hiện, và điều tra bất kỳ vi phạm hải quan nào và trong việc thực thi pháp luật hải quan.

2. Mỗi Cơ quan Hải quan phải thực hiện yêu cầu hỗ trợ theo Hiệp định này phù hợp và trong phạm vi giới hạn bởi quy định và luật pháp quốc gia, và trong phạm vi thẩm quyền và các nguồn lực có sẵn của mình.

3. Hiệp định này chỉ nhằm mục đích hỗ trợ lẫn nhau giữa các Bên; các điều khoản của Hiệp định này phải không được cho phép cá nhân nào có quyền tìm kiếm, che giấu hoặc loại bỏ các bằng chứng, hoặc cản trở việc thực thi một yêu cầu hỗ trợ.

4. Hiệp định này nhằm tăng cường và bổ sung các hỗ trợ hải quan lẫn nhau đang được thực hiện giữa các Bên. Không điều khoản nào trong Hiệp định này có thể được giải thích theo cách hạn chế các hiệp định, thỏa thuận và thông lệ liên quan tới việc hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau đang được thực hiện giữa các Bên.

ĐIỀU 3
PHẠM VI HỖ TRỢ CHUNG

1. Theo yêu cầu, một Cơ quan Hải quan phải cung cấp hỗ trợ dưới dạng thông tin nhằm đảm bảo việc thực thi pháp luật hải quan và việc tính chính xác thuế hải quan và các thuế khác bởi các Cơ quan Hải quan.

2. Theo yêu cầu hoặc theo sáng kiến của mình, một Cơ quan Hải quan có thể đưa ra hỗ trợ dưới dạng thông tin, bao gồm nhưng không chỉ giới hạn các thông tin liên quan:

   a. các phương pháp và nghiệp vụ thực hiện quy trình đối với hành khách và hàng hoá;

   b. việc áp dụng hiệu quả các kỹ thuật và phương tiện hỗ trợ kiểm soát;

   c. các biện pháp kiểm soát có thể có ích cho việc trấn áp các vi phạm hải quan và, cụ thể là, các phương thức đặc biệt chống vi phạm hải quan;

   d. các thủ đoạn mới sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm hải quan; và

   e. các cơ chế trao đổi dữ liệu liên quan đến hàng hóa.

3. Các Cơ quan Hải quan phải hợp tác trong các lĩnh vực:

   a. thiết lập và duy trì các kênh liên lạc để tạo thuận lợi cho việc trao đổi thông tin nhanh chóng và an toàn;

   b. tạo thuận lợi cho việc điều phối hiệu quả;

   c. xem xét và thử nghiệm các thiết bị hay thủ tục mới;

d. các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật nhằm mục đích chia sẻ kiến thức và các thông lệ phổ biến về kỹ thuật và hoạt động hải quan; và

e. bất kỳ vấn đề hành chính chung khác khi cần sự hợp tác.

ĐIỀU 4
PHẠM VI HỖ TRỢ CỤ THỂ

1. Theo yêu cầu, các Cơ quan Hải quan phải thông báo cho nhau về việc hàng hoá xuất khẩu từ lãnh thổ của một Bên đã được nhập khẩu hợp pháp vào lãnh thổ của Bên kia. Nếu có yêu cầu, thông tin cung cấp phải bao gồm cả thủ tục hải quan áp dụng để thông quan hàng hoá đó.

2. Theo yêu cầu và phù hợp với luật pháp quốc gia cũng như cân nhắc khả năng và nguồn lực của mình, một Cơ quan Hải quan phải kiểm tra, theo dõi, hoặc cung cấp thông tin, hoặc phải chuyển yêu cầu đến cơ quan có thẩm quyền trong nước, khi phù hợp, để kiểm tra, theo dõi, hoặc cung cấp thông tin về:

   a. những người mà Bên yêu cầu biết là đã vi phạm hoặc nghi ngờ đã vi phạm hoặc sẽ vi phạm hải quan trong lãnh thổ, về phía hoặc qua lãnh thổ của Bên yêu cầu;

   b. hàng hoá đang vận chuyển hoặc lưu kho mà Bên yêu cầu xác định là có dấu hiệu nghi vấn vận chuyển bất hợp pháp trong, về phía hoặc qua lãnh thổ của Bên yêu cầu;

   c. phương tiện vận tải nghi ngờ bị sử dụng để vi phạm hải quan trong, về phía hoặc qua lãnh thổ của Bên yêu cầu; và

   d. các cơ sở trong lãnh thổ của Bên được yêu cầu được biết là bị sử dụng hoặc nghi ngờ bị sử dụng cho việc thực hiện các vi phạm hải quan trong, về phía hoặc qua lãnh thổ của Bên yêu cầu.

3. Theo yêu cầu, các Cơ quan Hải quan phải cung cấp cho nhau thông tin liên quan đến các hoạt động có thể dẫn tới hành vi vi phạm trong lãnh thổ của Bên kia. Trong những trường hợp có thể gây thiệt hại nghiêm trọng đến nền kinh tế, sức khoẻ cộng đồng,

an ninh công cộng, hoặc các lợi ích cơ bản tương tự khác của Bên kia, các Cơ quan Hải quan, khi có thể, phải cung cấp các thông tin này mà không cần được yêu cầu. Hiệp định này không ngăn cản các Cơ quan Hải quan chủ động cung cấp thông tin liên quan đến các hoạt động có thể dẫn đến các hành vi vi phạm hải quan trong lãnh thổ của Bên kia.

4. Theo yêu cầu, thông qua việc thỏa thuận lẫn nhau trong từng trường hợp cụ thể và có tính đến việc xem xét các chi phí và nguồn lực có sẵn, các Cơ quan Hải quan có thể cho phép trong phạm vi kiểm soát của mình, việc di chuyển hàng hóa bất hợp pháp hoặc có nghi vấn ra khỏi, quá cảnh qua, hoặc vào lãnh thổ của từng Bên, nhằm mục đích điều tra và đấu tranh các vi phạm hải quan. Nếu việc cho phép như vậy không nằm trong khả năng của Cơ quan Hải quan đó, Cơ quan Hải quan đó sẽ nỗ lực hợp tác với các cơ quan có thẩm quyền hoặc sẽ nỗ lực chuyển giao vụ việc sang cho cơ quan có thẩm quyền.

ĐIỀU 5
HỒ SƠ VÀ TÀI LIỆU

1. Theo yêu cầu, các Cơ quan Hải quan phải cung cấp thông tin liên quan tới việc vận chuyển và gửi hàng hóa đến, đi qua hoặc xuất phát từ lãnh thổ của các Bên thể hiện trị giá, thông tin giao dịch nếu có, nơi đến và tình trạng của những hàng hóa đó.

2. Cơ quan yêu cầu có thể yêu cầu các bản gốc hoặc bản sao có chứng thực của hồ sơ, tài liệu và các chứng từ khác chỉ khi các bản sao hiện có là chưa đủ. Theo yêu cầu, Cơ quan được yêu cầu phải cung cấp đúng các bản sao có chứng thực của những hồ sơ, tài liệu và chứng từ đó. Như với tất cả các yêu cầu hỗ trợ được đưa ra theo Hiệp định này, Cơ quan được yêu cầu phải thực hiện yêu cầu này theo Điều 2 khoản 2 của Hiệp định này.

3. Trừ khi cơ quan yêu cầu yêu cầu cụ thể bản gốc hay bản sao có chứng thực, cơ quan được yêu cầu có thể chuyển thông tin trên máy tính dưới mọi dạng. Cơ quan được yêu cầu phải cung cấp tất cả các thông tin liên quan để hiểu hoặc sử dụng thông tin trên máy tính cùng lúc.

4. Nếu cơ quan được yêu cầu đồng ý, các nhân viên do Cơ quan yêu cầu chỉ định, có thể, thông qua (các) nhân viên của Cơ quan được

yêu cầu, kiểm tra tại văn phòng của Cơ quan được yêu cầu, thông tin liên quan đến một vi phạm hải quan và yêu cầu Cơ quan được yêu cầu lập các bản sao hoặc trích xuất thông tin từ đó.

5. Các bản gốc của hồ sơ, tài liệu và chứng từ khác đã được chuyển phải được trả lại vào thời điểm sớm nhất; mọi quyền của Cơ quan được yêu cầu hoặc cơ quan hay cá nhân ngoài Cơ quan được yêu cầu có liên quan phải không bị ảnh hưởng.

ĐIỀU 6
TRUYỀN ĐẠT YÊU CẦU

1. Các yêu cầu theo Hiệp định này phải được thể hiện dưới hình thức văn bản trực tiếp giữa các nhân viên do Người đứng đầu các Cơ quan Hải quan chỉ định. Những thông tin được coi là cần thiết cho việc thực hiện yêu cầu phải được gửi kèm theo yêu cầu. Trong các trường hợp khẩn cấp, có thể yêu cầu hỗ trợ bằng lời nóivà được chấp nhận, nhưng phải nhanh chóng được khẳng định bằng văn bản càng nhanh càng tốt, nhưng không quá 10 ngày làm việc tính theo lịch của Cơ quan yêu cầu kể từ ngày đưa ra yêu cầu bằng lời nói.

2. Các yêu cầu phải bao gồm:

   a. tên của cơ quan yêu cầu;

   b. nội dung của vấn đề hoặc thủ tục;

   c. mô tả tóm tắt các dữ kiện và các vi phạm hải quan liên quan;

   d. lý do yêu cầu;

   e. mô tả hỗ trợ được yêu cầu; và

   f. tên và địa chỉ hoặc thông tin phù hợp và sẵn có khác về những người có liên quan đến vấn đề, hoặc thủ tục đó, nếu biết.

ĐIỀU 7
THỰC HIỆN YÊU CẦU

1. Cơ quan được yêu cầu phải thực hiện tất cả các biện pháp hợp lý để thực hiện yêu cầu và phải nỗ lực để bảo đảm mọi biện pháp chính thức cần thiết cho mục đích đó.

2. Nếu Cơ quan được yêu cầu không phải là cơ quan phù hợp để thực hiện yêu cầu, Cơ quan này phải thông báo cho Cơ quan yêu cầu về cơ quan phù hợp hoặc hiệp định áp dụng, nếu biết. Ngoài ra, khi thích hợp, cơ quan được yêu cầu có thể chuyển yêu cầu đó đến cơ quan thích hợp, phù hợp với luật pháp và quy định trong nước của Bên được yêu cầu.

3. Cơ quan được yêu cầu phải tiến hành, ở phạm vi đầy đủ nhất có thể, hoặc cho phép Cơ quan yêu cầu phối hợp với Cơ quan được yêu cầu, tiến hành những hoạt động kiểm tra, xác minh, phỏng vấn hoặc các bước điều tra khác nhằm xác định hoặc làm rõ một vi phạm hải quan. Mọi hoạt động theo điều khoản này của Cơ quan yêu cầu theo khoản này phải được phối hợp với đầu mối liên lạc được chỉ định của Cơ quan được yêu cầu và phù hợp với luật pháp và quy định của Bên được yêu cầu.

4. Theo yêu cầu, Cơ quan được yêu cầu phải thông báo cho Cơ quan yêu cầu về thời gian và địa điểm của hoạt động được tiến hành khi thực hiện yêu cầu.

5. Theo yêu cầu, Bên được yêu cầu có thể cho phép các nhân viên của Cơ quan yêu cầu có mặt tại lãnh thổ của Bên được yêu cầu để hỗ trợ việc thực hiện yêu cầu, theo các điều kiện và điều khoản mà Bên được yêu cầu có thể áp dụng.

6. Cơ quan được yêu cầu phải tuân thủ với yêu cầu mà một thủ tục nhất định cần phải tuân theo, trong chừng mực thủ tục đó phù hợp với luật pháp quốc gia của Bên được yêu cầu.

ĐIỀU 8
HẠN CHẾ SỬ DỤNG

1. Thông tin nhận được theo Hiệp định này phải được lưu giữ với cùng mức độ bảo mật mà Bên nhận thông tin đang áp dụng đối với thông tin tương tự mà mình đang nắm giữ.

2. Thông tin nhận được theo Hiệp định này chỉ được sử dụng hoặc tiết lộ vì các mục đích của Hiệp định, bao gồm cả trong các thủ tục tố tụng trong một vụ việc cụ thể nhằm thực thi pháp luật hải quan. Bên nhận thông tin phải thông báo cho Bên cung cấp thông tin về bất kỳ việc sử dụng thông tin nhận được theo Hiệp định này trong thủ tục tố tụng trong một vụ việc cụ thể nhằm thực thi pháp luật hải quan. Thông tin đó có thể được sử dụng hoặc tiết lộ vì các mục đích khác hoặc bởi các cơ quan khác của Bên nhận nếu Cơ quan Hải quan cung cấp thông tin đã chấp nhận bằng văn bản đối với việc sử dụng hoặc tiết lộ thông tin đó.

3. Thông tin nhận được của một Bên, theo yêu cầu của Bên cung cấp, phải được bảo mật. Các lý do cho một yêu cầu như vậy phải được nêu rõ.

4. Điều này phải không loại trừ việc sử dụng hoặc tiết lộ thông tin đã trao đổi theo Hiệp định này trong chừng mực đó là một nghĩa vụ theo Hiến pháp hoặc luật pháp quốc gia của Bên nhận liên quan tới tố tụng hình sự. Bên nhận sẽ thông báo trước về việc tiết lộ dự kiến cho Bên cung cấp thông tin đó.

5. Điều này phải không loại trừ việc sử dụng hoặc tiết lộ thông tin đã trao đổi theo Hiệp định này liên quan tới khủng bố hoặc các vấn đề an ninh quốc gia khác nếu có một sự bắt buộc phải sử dụng hoặc tiết lộ thông tin đó theo luật hiện hành của Bên nhận.

6. Nếu dữ liệu đã cung cấp bị phát hiện là không đúng hoặc không nên được trao đổi, việc thông báo phải được thực hiện ngay lập tức. Bên cung cấp phải cung cấp cho Bên nhận thông báo bằng văn bản để xóa dữ liệu đó và Cơ quan Hải quan đã nhận dữ liệu phải xóa dữ liệu đó. Bên cung cấp phải cung cấp cho Bên nhận dữ liệu chính xác, khi thích hợp.

7. Thông tin đã được công khai theo khoản 2 và khoản 4 Điều này có thể được sử dụng cho bất kỳ mục đích nào.

8. Mỗi Cơ quan Hải quan phải xây dựng hoặc duy trì việc sắp xếp nội bộ quốc gia nhằm đảm bảo việc truyền tải, bảo quản, cất trữ, xử lý và bảo mật nội bộ dữ liệu, hồ sơ và chứng từ mật một cách phù hợp.

ĐIỀU 9
CÁC MIỄN TRỪ

1. Trong trường hợp Bên được yêu cầu xác định rằng việc hỗ trợ sẽ phương hại đến chủ quyền, an ninh, chính sách công hoặc các lợi ích quốc gia cơ bản khác, hoặc không phù hợp với luật và quy định quốc gia, bao gồm cả các yêu cầu pháp lý liên quan tới việc không tuân thủ có đảm bảo về những hạn chế sử dụng hoặc bảo mật, cơ quan đó có thể từ chối hoặc tạm thời chưa hỗ trợ, hoặc có thể hỗ trợ theo những điều kiện hoặc yêu cầu nhất định.

2. Nếu Cơ quan yêu cầu không thể thực hiện được một yêu cầu tương tự mà Cơ quan được yêu cầu đã đưa ra, Cơ quan yêu cầu phải chỉ rõ vấn đề này trong yêu cầu của mình. Việc tuân thủ yêu cầu đó phải do Cơ quan được yêu cầu quyết định.

3. Cơ quan được yêu cầu có thể trì hoãn việc hỗ trợ trên cơ sở việc thực hiện hỗ trợ đó sẽ cản trở việc điều tra, truy tố hoặc thủ tục tố tụng đang thực hiện. Trong trường hợp đó, Cơ quan được yêu cầu phải trao đổi với Cơ quan yêu cầu để xác định việc hỗ trợ có thể được thực hiện theo các điều khoản và điều kiện mà Cơ quan được yêu cầu có thể yêu cầu.

4. Trong trường hợp một yêu cầu không thể thực hiện được, Cơ quan yêu cầu phải được thông báo nhanh chóng và được cung cấp các lý do của việc trì hoãn hoặc từ chối yêu cầu. Những trường hợp có thể quan trọng để tiếp tục theo đuổi vụ việc đó cũng phải được thông báo cho Cơ quan yêu cầu.

ĐIỀU 10
CHI PHÍ

1. Thông thường, Bên được yêu cầu phải chịu tất cả chi phí liên quan tới việc thực hiện yêu cầu, trừ những chi phí cho chuyên gia, nhân chứng và các chi phí biên dịch, phiên dịch và việc chuyển sang dạng chữ viết phải do Cơ quan yêu cầu chi trả.

2. Nếu quá trình thực hiện yêu cầu cho thấy rõ rằng việc hoàn thành yêu cầu sẽ phát sinh chi phí bất thường, các Cơ quan Hải quan phải tham vấn để quyết định các điều khoản và điều kiện để việc thực hiện yêu cầu có thể tiếp tục.

ĐIỀU 11
THỰC HIỆN HIỆP ĐỊNH

1. Các Cơ quan Hải quan phải:

   a. liên lạc trực tiếp để giải quyết các vấn đề phát sinh từ Hiệp định này;

   b. sau khi thảo luận, ban hành các hướng dẫn hành chính cần thiết cho việc thực hiện Hiệp định này; và

   c. nỗ lực đồng thuận thông qua để giải quyết các vấn đề hoặc thắc mắc phát sinh từ việc giải thích hay áp dụng Hiệp định.

2. Các bất đồng không tìm được giải pháp có thể được giải quyết bằng các biện pháp ngoại giao.

3. Các Cơ quan Hải quan nhất trí gặp gỡ định kỳ khi cần thiết theo yêu cầu của bất cứ Bên nào nhằm đánh giá việc thực hiện Hiệp định này.

ĐIỀU 12
LÃNH THỔ ÁP DỤNG

Hiệp định này phải được áp dụng tại lãnh thổ của cả hai Bên được xác định tại các quy định pháp lý và hành chính quốc gia.

ĐIỀU 13
HIỆU LỰC VÀ CHẤM DỨT HIỆP ĐỊNH

1. Hiệp định có hiệu lực vào ngày nhận được thông báo cuối cùng giữa các Bên trong đó chỉ rõ các Bên đã hoàn thành thủ tục nội bộ cần thiết để Hiệp định có hiệu lực.

2. Mỗi Bên có thể chấm dứt Hiệp định này tại bất kỳ thời điểm nào bằng việc thông báo qua các kênh ngoại giao. Việc chấm dứt Hiệp định có hiệu lực sau ba tháng kể từ ngày thông báo về việc chấm dứt Hiệp định cho Bên kia.Tuy nhiên, các yêu cầu hỗ trợ đang

thực hiện được đưa ra trước ngày chấm dứt Hiệp định có hiệu lực phải được hoàn thành theo các điều khoản của Hiệp định này.

3. Hiệp định này có thể được sửa đổi vào bất kỳ thời điểm nào thông qua thoả thuận bằng văn bản giữa các Bên; các sửa đổi, bổ sung phải tạo thành một phần không tách rời của Hiệp định này.

ĐỂ LÀM BẰNG, những người ký tên dưới đây, được sự uỷ quyền hợp thức của Chính phủ của mỗi Bên, đã ký Hiệp định này.

LÀM, thành hai bản, tại Hà Nội vào ngày 06/12/2019 bằng tiếng Việt và tiếng Anh, cả hai bản đều có giá trị như nhau.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	THAY MẶT CHÍNH PHỦ HỢP CHÚNG QUỐC HOA KỲ
VŨ THỊ MAI THỨ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH	CARYN R. MCCLELLAND ĐẠI BIỆN HỢP CHÚNG QUỐC HOA KỲ TẠI VIỆT NAM

AGREEMENT

BETWEEN

THE GOVERNMENT OF

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

AND

THE GOVERNMENT OF THE UNITED STATES OF AMERICA

REGARDING

MUTUAL ASSISTANCE IN CUSTOMS MATTERS

The Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of the United States of America, hereinafter referred to as "Parties";

Considering that offenses against customs laws are prejudicial to the economic, fiscal, commercial and social interests of their respective countries;

Considering the importance of ensuring the accurate assessment of customs duties and other taxes;

Recognizing the need for international cooperation in matters related to the administration and enforcement of the customs laws of their respective countries;

Having regard for the international conventions containing prohibitions, restrictions and special measures of control in respect of specific goods;

Convinced that action against customs offenses can be made more effective by cooperation between their Customs Administrations; and

Referencing the Recommendation of the Customs Cooperation Council regarding Mutual Administrative Assistance of December 5, 1953;

Have agreed as follows:

ARTICLE 1
DEFINITIONS

For the purposes of the present Agreement:

1. the term "Customs Administration" means, in the Socialist Republic of Viet Nam, the General Department of Viet Nam Customs, Ministry of Finance and in the United States of America, U.S. Customs and Border Protection and U.S. Immigration and Customs Enforcement, which are both components of the U.S. Department of Homeland Security;

2. the term "customs laws" means the laws and regulations enforced by the Customs Administrations concerning the importation, exportation, and transit or circulation of goods as they relate to customs duties, charges, and other taxes or to prohibitions, restrictions, and other similar controls respecting the movement of controlled items across national boundaries;

3. the term "information" means data in any form, documents, records, reports, and other communications in any format, including electronic, certified, or authenticated copies thereof;

4. the term "customs offense" means any violation or attempted violation of the customs laws;

5. the term "person" means any natural or legal person;

6. the term "requesting Administration" or "requesting Party" means the Customs Administration or Party that requests assistance;

7. the term "requested Administration" or "requested Party" means the Customs Administration or Party from which assistance is requested;

8. the term "supplying Administration" or "supplying Party" means the Customs Administration or Party that provides information; and

9. the term "receiving Administration" or "receiving Party" means the Customs Administration or Party that receives information.

ARTICLE 2
SCOPE OF AGREEMENT

1. The Parties, through their Customs Administrations, shall assist each other, in accordance with the provisions of this Agreement, in preventing, detecting, and investigating any customs offense and in enforcing customs laws.

2. Each Customs Administration shall execute requests for assistance made pursuant to this Agreement in accordance with and subject to

the limitations of its domestic law and regulations, and within the limits of its competence and available resources.

3. This Agreement is intended solely for mutual assistance between the Parties; the provisions of this Agreement shall not give rise to a right on the part of any private person to obtain, suppress, or exclude any evidence, or to impede the execution of a request.

4. This Agreement is intended to enhance and supplement mutual customs assistance in effect between the Parties. No provision in this Agreement may be interpreted in a manner that would restrict agreements, arrangements, and practices relating to mutual assistance and cooperation in effect between the Parties.

ARTICLE 3
SCOPE OF GENERAL ASSISTANCE

1. Upon request, a Customs Administration shall provide assistance in the form of information in order to ensure the enforcement of the customs laws and the accurate assessment of customs duties and other taxes by the Customs Administrations.

2. Upon request or upon its own initiative, a Customs Administration may provide assistance in the form of information, including but not limited to information concerning:

   a. methods and techniques for processing passengers and cargo;

   b. the successful application of enforcement aids and techniques;

   c. enforcement actions that might be useful to suppress customs offenses and, in particular, special means of combating customs offenses;

   d. new methods used in committing customs offenses; and

   e. mechanisms for exchange of data related to cargo.

3. The Customs Administrations shall cooperate in:

a. establishing and maintaining channels of communication to facilitate the secure and rapid exchange of information;

b. facilitating effective coordination;

c. the consideration and testing of new equipment or procedures;

d. technical assistance activities for the purposes of sharing knowledge and best practices in customs techniques and operations; and

e. any other general administrative matters that may from time to time require their cooperation.

ARTICLE 4
SCOPE OF SPECIFIC ASSISTANCE

1. Upon request, the Customs Administrations shall inform each other whether goods exported from the territory of one Party have been lawfully imported into the territory of the other Party. If requested, the information shall contain the customs procedure used for clearing the goods.

2. Upon request, and consistent with its domestic laws and considering its competence and resources, a Customs Administration shall examine, monitor, or supply information, or shall refer a request to a competent domestic agency, as appropriate, to examine, monitor, or supply information about:

a. persons known to the requesting Party to have committed a customs offense or suspected of having committed or being about to commit a customs offense within, toward, or through the territory of the requesting Party;

b. goods either in transport or in storage identified by the requesting Party as giving rise to suspected illicit traffic within, toward, or through the territory of the requesting Party;

c. means of transport suspected of being used in customs offenses within, toward, or through the territory of the requesting Party; and

d. premises in the territory of the requested Party known to have been used or suspected of being used in connection with the commission of a customs offense within, toward, or through the territory of the requesting Party.

3. Upon request, the Customs Administrations shall furnish to each other information regarding activities that may result in customs offenses within the territory of the other Party. In situations that could involve substantial damage to the economy, public health, public security, or similar vital interest of the other Party, the Customs Administrations, wherever possible, shall supply such information without being requested to do so. Nothing in this Agreement otherwise precludes the Customs Administrations from providing on their own initiative information regarding activities that may result in customs offenses within the territory of the other Party.

4. Upon request, by mutual arrangement in each specific case and taking into account the costs and available resources, the Customs Administrations may permit under their control, the movement of unlawful or suspect goods out of, through, or into their respective territory, with a view to investigating and combating customs offenses. If granting such permission is not within the competence of the Customs Administration, that Customs Administration will endeavor to initiate co-operation with the national authorities that have such competence, or it will endeavor to transfer the case to those authorities.

ARTICLE 5
FILES AND DOCUMENTS

1. Upon request, the Customs Administrations shall provide information relating to transportation and shipment of goods destined for, passing through or departed from the territory of the Parties showing value, transaction information if available, destination, and status of those goods.

2. A requesting Administration may request originals or certified copies of files, documents, and other materials only where available copies would be insufficient. Upon request, the requested Administration shall provide properly certified copies of such files, documents, and other materials. As with all requests for assistance made pursuant to this Agreement, the requested Administrations shall execute this request in accordance with Article 2, paragraph 2 of this Agreement.

3. Unless the requesting Administration specifically requests originals or certified copies, the requested Administration may transmit computer-based information in any form. The requested Administration shall supply all information relevant for interpreting or utilizing computer-based information at the same time.

4. If the requested Administration agrees, officials designated by the requesting Administration may, through official(s) of the requested Administration, examine in the offices of the requested Administration information relevant to a customs offense and request that the requested Administration make copies thereof or extract information therefrom.

5. Originals of files, documents, and other materials that have been transmitted shall be returned at the earliest opportunity; any rights of the requested Administration or of any entity or individual outside of the requested Administration relating thereto shall remain unaffected.

ARTICLE 6
COMMUNICATION OF REQUESTS

1. Requests pursuant to this Agreement shall be made in writing directly between officials designated by the Heads of the respective Customs Administrations. Information deemed useful for the execution of requests shall accompany the request. In urgent situations, oral requests may be made and accepted, but shall be promptly confirmed in writing as expeditiously as possible, but no later than 10 business days, based upon the requesting Administration's calendar, from the date of the oral request.

2. Requests shall include:

   a. the name of the requesting Administration;

   b. the nature of the matter or proceedings;

   c. a brief statement of the facts and customs offenses involved;

   d. the reason for the request;

   e. a description of the assistance requested; and

   f. the names and addresses or other appropriate and available information regarding the persons concerned in the matter, or proceeding, if known.

ARTICLE 7
EXECUTION OF REQUESTS

1. The requested Administration shall take all reasonable measures to execute a request and shall endeavor to secure any official measures necessary for that purpose.

2. If the requested Administration is not the appropriate agency to execute a request, it shall advise the requesting Administration of the appropriate authority or applicable agreement, if known. In addition,

as appropriate, the requested Administration may transmit the request to the appropriate authority, in accordance with its domestic laws and regulations.

3. The requested Administration shall conduct to the fullest extent possible, or permit the requesting Administration to coordinate with the requested Administration, to conduct inspections, verifications, inquiries, or other investigative steps to identify or clarify a customs offense. Any activity of the requesting Administration under this paragraph shall be in coordination with the designated point of contact of the requested Administration and in accordance with the laws and regulations of the requested Party.

4. Upon request, the requested Administration shall advise the requesting Administration of the time and place of action to be taken in execution of a request.

5. Upon request, the requested Party may authorize officials of the requesting Administration to be present in the territory of the requested Party to assist in execution of a request, subject to terms and conditions the requested Party may impose.

6. The requested Administration shall comply with a request that a certain procedure be followed to the extent that such procedure is in accordance with domestic laws of the requested Party.

ARTICLE 8
LIMITATIONS OF USE

1. Information obtained under this Agreement shall be afforded the same degree of confidentiality by the receiving Party that it applies to similar information in its custody.

2. Information obtained under this Agreement shall only be used or disclosed for the purposes in the Agreement, including in proceedings in a specific case to enforce the customs laws. The receiving Party shall provide notice to the supplying Party of any use of information obtained under this Agreement in proceedings in a

specific case to enforce the customs laws. Such information may be used or disclosed for other purposes or by other authorities of the receiving Party if the supplying Customs Administration has expressly approved such use or disclosure in writing.

3. Information received by either Party shall, upon request of the supplying Party, be treated as confidential. The reasons for such a request shall be stated.

4. This Article shall not preclude the use or disclosure of information exchanged pursuant to this Agreement to the extent that there is an obligation to do so under the Constitution or domestic laws of the receiving Party in connection with any criminal proceeding. The receiving Party shall give advance notice of any such proposed disclosure to the supplying Party.

5. This Article shall not preclude the use or disclosure of information exchanged pursuant to this Agreement in connection with terrorism or other national security matters where there is an obligation to use or disclose such information under the receiving Party's applicable laws.

6. If data supplied is found to be incorrect or should not have been exchanged, notification should be made immediately. The supplying Party shall also provide the receiving Party written notification to delete the data and the Customs Administration that has received such data shall delete it. The supplying Party shall provide the receiving Party with correct data, where appropriate.

7. Information made public under paragraphs 2 and 4 of this Article may be used for any purpose.

8. Each respective Customs Administration shall establish or maintain local arrangements to ensure appropriate transmission, safekeeping, storage, handling and internal dissemination of confidential data, files and documents.

ARTICLE 9
EXEMPTIONS

1. Where a requested Party determines that granting assistance would infringe upon its sovereignty, security, public policy or other substantive national interest, or would be inconsistent with its domestic law and regulations, including any legal requirement relating to non-compliance with assurances regarding limitations on use or confidentiality, it may refuse or withhold assistance, or may grant it subject to the satisfaction of certain conditions or requirements.

2. If the requesting Administration would be unable to comply if a similar request were made by the requested Administration, it shall draw attention to that fact in its request. Compliance with such a request shall be at the discretion of the requested Administration.

3. The requested Administration may postpone assistance on the ground that it will interfere with an ongoing investigation, prosecution, or proceeding. In such an instance, the requested Administration shall consult with the requesting Administration to determine if assistance can be given subject to such terms or conditions as the requested Administration may require.

4. In the event that a request cannot be complied with, the requesting Administration shall be promptly notified and provided with a statement of the reasons for postponement or denial of the request. Circumstances that might be of importance for the further pursuit of the matter shall also be provided to the requesting Administration.

ARTICLE 10
COSTS

1. The requested Party shall normally pay all costs relating to the execution of the request, with the exception of expenses for experts and witnesses and the costs of translation, interpretation and transcription, which shall be paid for by the requesting Party.

2. If during the execution of a request it becomes apparent that completion of the execution of the request will entail expenses of an extraordinary nature, the Customs Administrations shall consult to determine the terms and conditions under which execution may continue.

ARTICLE 11
IMPLEMENTATION OF THE AGREEMENT

1. The Customs Administrations shall:

   a. communicate directly for the purpose of dealing with matters arising out of this Agreement;

   b. after consultation, issue any administrative directives necessary for the implementation of this Agreement; and

   c. endeavor by mutual accord to resolve problems or questions arising from the interpretation or application of the Agreement.

2. Conflicts for which no solutions can be found will be settled by diplomatic means.

3. The Customs Administrations agree to meet periodically as necessary at the request of either Party in order to review the implementation of this Agreement.

ARTICLE 12
TERRITORIAL APPLICATION

This Agreement shall be applicable in the territories of both Parties as defined in their domestic legal and administrative provisions.

ARTICLE 13
ENTRY INTO FORCE AND TERMINATION

1. This Agreement shall enter into force on the date of the last note in an exchange of notes between the Parties indicating that they have completed the necessary internal procedures for entry into force.

2. Either Party may terminate this Agreement at any time by notification through diplomatic channels. The termination shall take effect three months from the date of notification of termination to the other Party. Ongoing requests for assistance made prior to the effective date of termination shall nonetheless be completed in accordance with the provisions of this Agreement.

3. This Agreement may be amended at any time by mutual written agreement; these amendments shall constitute an integral part of this Agreement.

IN WITNESS THEREOF, the undersigned, being duly authorized by their respective Governments, have signed this Agreement.

DONE, in duplicate, at Ha Noi on 06/12/2019 in the Vietnamese and English languages, both texts being equally authentic.

FOR THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM	FOR THE GOVERNMENT OF THE UNITED STATES OF AMERICA
VU THI MAI DEPUTY MINISTER OF FINANCE	CARYN R. MCCLELLAND CHARGÉ D' AFFAIRES